

Bản án số: 76/2024/HS-PT

Ngày: 18-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Trần Thế Cẩm**;

ông **Nguyễn Văn Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thanh Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Ngọc T**, sinh ngày 20/3/1988, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đức N và bà Võ Thị H; có vợ và 02 con; tiền án: ngày 08/8/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" (*chấp hành xong thời gian thử thách ngày 08/8/2021*); tiền sự: ngày 30/11/2021, bị Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi gây thương tích cho thành viên gia đình (*nộp phạt xong ngày 30/11/2021*); nhân thân: ngày 21/9/2022, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.250.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; bị bắt tạm giam ngày 03/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc T: ông Nguyễn Xuân B, Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2021, ông Nguyễn K, Nguyễn Đại T1, Võ Đình T2, bà Lê Thị Bích L, ông Nguyễn Ngọc K1 và bà Tôn Thị Ái H1 cùng nhau góp tiền nhận chuyển nhượng 02 thửa đất số 380, 381; tờ bản đồ số 06; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam với số tiền góp mỗi người là 115.000.000 đồng. Sau đó, giao cho bà Trương Thị N1 (*vợ ông K*) là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên.

Tháng 6/2021, vì cần tiền nên ông Võ Đình T2 mượn của Huỳnh Ngọc T số tiền là 60.000.000 đồng với cam kết tháng 12/2021 sẽ trả cho T. Tuy nhiên, đến tháng 12/2021, ông T2 không có tiền trả nên nói cho T biết là ông T2 có góp 115.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng 02 thửa đất 380, 381, tờ bản đồ số 06 với một số người (*ông T2 không nói rõ với ông T là gồm những ai*) và thỏa thuận với T là số tiền ông T2 nợ T sẽ coi như phần góp vốn của T cho ông T2 để ông T2 góp vốn nhận chuyển nhượng 02 lô đất trên, T sẽ có 50% quyền lợi trong phần vốn góp của ông T2. Đây là thỏa thuận riêng giữa Huỳnh Ngọc T và ông Võ Đình T2, các thành viên góp vốn khác không biết.

Tháng 8/2021, nhóm góp vốn cùng thống nhất sẽ chuyển nhượng 02 thửa đất trên để kiếm lời và giao cho vợ chồng ông K, bà N1 là đại diện rao bán. Mọi thông tin liên quan giao dịch chuyển nhượng, đặt cọc sẽ thông báo cho các thành viên trên nhóm ứng dụng Zalo và chỉ thực hiện khi có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong nhóm. Đến đầu năm 2022, khi biết được thông tin này, Huỳnh Ngọc T đã đăng thông tin rao bán 02 thửa đất nêu trên. Đầu tháng 3/2022, Huỳnh Ngọc T trao đổi với Nguyễn Tấn N2 về việc mua bán đất. T đã dẫn ông N2 đi xem 02 thửa đất trên, giao cho ông N2 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*GCNQSDĐ*) của 02 thửa đất nêu trên và giới thiệu 02 thửa đất này là đất của T. Đất đang có mục đích sử dụng là đất lúa, nếu muốn nhận chuyển nhượng thì T sẽ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn với diện tích là 400m², toàn bộ chi phí chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng do T chi trả, giá trị chuyển nhượng sau khi chuyển mục đích sử dụng là 2.250.000.000 đồng. Sau đó, ông N2 đã giới thiệu lại 02 thửa đất trên cho bà Trần Thị Phương T3 (*là bạn của ông N2*) và cũng là người có nhu cầu mua đất. Sau đó, bà T3 liên hệ với T để hỏi về thông tin thửa đất. Huỳnh Ngọc T khẳng định với bà T3 02 thửa đất số 380, 381, tờ bản đồ số 06 là tài sản của T. Khi bà T3 yêu cầu cho xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc thì T nói là hiện nay giấy chứng nhận đang ở Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, do T đang thực hiện chuyển mục đích sử dụng từ đất lúa sang đất trồng cây và đất ở. T chỉ còn hình ảnh và bản phô tô GCNQSDĐ của 02 thửa đất nêu trên. Sau đó, T gửi hình ảnh GCNQSDĐ của 02 thửa đất nêu trên qua ứng dụng tin nhắn Zalo cho bà T3. Khi kiểm tra thông tin trên GCNQSDĐ, bà T3 nhận thấy người đứng tên quản lý, sử dụng là bà Trương Thị N1 nên có hỏi lại lý do thì T nói dối bà T3 là: *“Hai lô đất này là tài sản của anh nhưng anh đang nhờ chủ cũ đứng tên quản lý, sử dụng giúp anh để chuyển mục đích sử dụng đất”, “Đã mua (nhận chuyển nhượng QSDĐ) thửa đất và tiến hành làm hồ sơ chuyển đổi mục*

đích sử dụng đất được một năm rưỡi rồi, khoảng hơn một tháng nữa là xong việc chuyển mục đích sử dụng đất”. Ngoài ra, T còn nói với bà T3 là vì T cần tiền để lo cho vợ sắp sinh con cũng như cần tiền nộp vào ngân sách cho việc chuyển mục đích sử dụng đất của 02 thửa đất nêu trên nên mới bán 02 thửa đất trên đi. Qua những thông tin mà Huỳnh Ngọc T đã cung cấp cho bà T3, bà T3 đã tin tưởng và đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nêu trên. Sau khi đã trao đổi thống nhất các nội dung chuyển nhượng, bà T3 và T hẹn ngày 21/3/2022 sẽ tiến hành đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sau đó, T điện thoại cho ông T2 để hỏi về việc muốn nhận chuyển nhượng lại 02 thửa đất nêu trên và nhờ ông T2 liên hệ với ông K để thông báo về việc T muốn mua lại 02 thửa đất trên với giá 1.290.000.000 đồng. Ông K chưa thống nhất việc chuyển nhượng và yêu cầu T đến nhà ông K để gặp trực tiếp bàn bạc. Thời gian sau đó, ông K có trao đổi và thống nhất với các thành viên góp vốn bán lại 02 thửa đất 380, 381 với giá chuyển nhượng là 1.290.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K chưa báo lại cho T biết.

Ngày 21/3/2022, T hẹn gặp bà T3 tại quán cà phê T4, đường N, phường A. Trong quá trình trao đổi, T nói dối với bà T3 là 02 thửa đất 380, 381 là của T và đã mua lại của bà Trương Thị N1, đang được T tiến hành chuyển đổi mục đích sử dụng đất và hợp thửa, khoảng một tháng rưỡi nữa sẽ hoàn thành các thủ tục. T đề nghị thời gian từ lúc đặt cọc tiền mua bán đất đến thời điểm ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất là 02 (hai) tháng. Bà T3 tin tưởng và đồng ý. Sau đó, bà T3 cùng T thống nhất soạn thảo và ký “*Biên bản ghi nhớ và nhận cọc tiền mua, bán đất*” cùng với sự chứng kiến của ông N2. Vào ngày 21/3/2022 và 06/4/2022, bà T3 đã chuyển khoản ngân hàng cho Huỳnh Ngọc T đủ số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng theo thoả thuận.

Ngày 10/5/2022, Huỳnh Ngọc T đến tại nhà của ông K để trao đổi với vợ chồng ông K về việc nhận chuyển nhượng 02 thửa đất 380, 381, tờ bản đồ số 6. Sau khi thống nhất giá và các thoả thuận chuyển nhượng, ông K và T tiến hành lập hợp đồng đặt cọc với số tiền cọc là 100.000.000 đồng. Ông K đã nhận đủ của T số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thoả thuận ngày ký hợp đồng chuyển nhượng là ngày 30/5/2022. Từ ngày 30/5/2022 đến ngày 17/6/2022, giữa ông K và T đã nhiều lần trao đổi và dòi thời gian ký kết hợp đồng chuyển nhượng vì lý do T chưa chuẩn bị đủ tiền nên chưa thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng được. Ngày 17/6/2022, ông K yêu cầu T giao đủ tiền để tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng, nếu không T sẽ bị mất số tiền đã cọc theo như cam kết trong hợp đồng đặt cọc. Huỳnh Ngọc T đồng ý bỏ tiền cọc chứ không tiếp tục giao dịch nữa.

Cũng trong khoảng thời gian trên, từ ngày 18/5/2022 đến ngày 14/6/2022, T nhiều lần trao đổi và xin gia hạn thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng với bà T3 vì lý do trực trặc thủ tục hành chính nên chưa thể ra sổ (*GCNQSDĐ*) được. Ngày 14/6/2022, T điện thoại cho bà T3 và nói dối là do yêu cầu phải nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất của 02 thửa đất đang giao dịch nhưng T không có đủ tiền nên cần bà T3 đưa cho T 100.000.000 đồng, số tiền này sẽ được cộng

vào trong tiền cọc mua bán đất. Bà T3 tin tưởng và đã chuyển khoản ngân hàng cho T số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 17/6/2022, T điện thoại cho bà T3 và nói dối là T đã có GCNQSDĐ rồi nhưng chưa thể tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng được vì lý do người chủ đất cũ mà T nhờ đứng tên giúp là bà Trương Thị N1 thấy đất lên giá nên đang gây khó khăn không đi ký hợp đồng, vụ việc đang được T nhờ Công an xã can thiệp. Bà T3 không chấp nhận và nói nếu không tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng như thoả thuận thì yêu cầu T bồi thường hợp đồng cọc tiền đã ký vào ngày 21/3/2022. Nghe vậy, T hẹn bà T3 gặp mặt và thừa nhận không thể chuyển mục đích sử dụng đất và không thể thực hiện các cam kết trong hợp đồng. Huỳnh Ngọc T chấp nhận sẽ bồi thường cho bà T3 theo đúng thoả thuận của hợp đồng cọc và xin bà T3 cho thời gian là 10 ngày để thực hiện. Nhưng sau 10 ngày, T vẫn không thực hiện cam kết. Bà T3 đã nhiều lần gọi điện thoại để đòi tiền nhưng T chỉ hứa chứ không trả tiền. Sau nhiều lần gây áp lực cho T bằng cách điện thoại, nhắn tin liên tục để đòi tiền thì vào ngày 02/8/2022, T chuyển khoản ngân hàng cho bà T3 số tiền là 100.000.000 đồng. Sau đó, bà T3 nhiều lần đòi tiền nhưng T không trả do đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Vì vậy, bà T3 đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 07 (B1) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 03/3/2023).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/12/2023, bị cáo Huỳnh Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù là phù hợp và không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc T phát biểu quan điểm bào chữa: thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có ý định mua đất của ông K và bán lại

cho bà T3, chứ không phải bị cáo cố ý lừa bà T3; do đó, đề nghị trừ ra 100.000.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt, do bị cáo đã trả lại cho bà T3. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục xong hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 người con bị khuyết tật nặng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, có điều kiện chăm sóc cho con nhỏ.

Bị cáo Huỳnh Ngọc T thống nhất với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận bổ sung và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Huỳnh Ngọc T có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, mặc dù không có quyền sử dụng đối với 02 thửa đất số 380, 381, tờ bản đồ số 6, tại thôn Đ, xã T, huyện T nhưng bị cáo Huỳnh Ngọc T đã dùng thủ đoạn gian dối, cung cấp thông tin không đúng sự thật về chủ sử dụng và đưa ra những cam kết, thoả thuận mà T không có khả năng thực hiện để chiếm đoạt của bà Trần Thị Phương T3 số tiền 300.000.000 đồng rồi sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Huỳnh Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Ngọc T thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và xem xét nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 07 năm tù, mức án khởi điểm của khung hình phạt là có cơ sở, đúng pháp luật. Sau khi xét

xử sơ thẩm, gia đình bị cáo cung cấp Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con nhỏ; tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm”, có nhân thân xấu nên hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Ngọc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam về hình phạt.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc T 07 (Bảy)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (*ngày 03/3/2023*).

Bị cáo Huỳnh Ngọc T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*18/3/2024*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CQTHAHS CA Tp. Tam Kỳ;
- CQCSĐT CA Tp. Tam Kỳ;
- VKSND Tp. Tam Kỳ;
- TAND Tp. Tam Kỳ;
- Chi cục THADS Tp. Tam Kỳ;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp Q.Nam;
- Bị cáo.
- Lưu HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo**